

Bản án số: 150/2022/DS-PT

Ngày: 19/5/2022

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Anh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng

Bà Nguyễn Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 464/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2022, về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án sơ thẩm số 134/2021/DS-ST ngày 29/10/2021, của Tòa án nhân dân quận DD, thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 107/2022/QĐ-PT ngày 13/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 139/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2022, của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần H(MSB); Địa chỉ: 54A NCT, phường LT, quận DD, Thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Tổng Giám đốc MSB;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q – Tổng giám đốc Ngân hàng quản lý tín dụng; Ông Q ủy quyền lại cho: Bà Trần Thị Phương T, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị V – Điều là chuyên viên phòng Tổ tụng.

(Bà T, bà V có mặt tại phiên tòa, ông H vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1962 (*có mặt tại phiên tòa*)
2. Ông Trần Quốc T , sinh năm 1958 (*vắng mặt tại phiên tòa*)

Cùng địa chỉ: Số 6, hẻm 26 ngách 85 ngõ TT, phường TQ, quận DD, Thành phố HN.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Quốc Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 6, hẻm 26 ngách 85 ngõ TT, phường TQ, quận DD, Thành phố HN (*vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP H(MSB) trình bày:

Ngày 10/01/2019, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T đã ký văn bản đồng thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng TMCP H(sau đây gọi tắt là Ngân hàng MSB).

Ngày 10/01/2019, bà Nguyễn Thị T ký Hợp đồng cho vay số 05/2019/HĐCV với Ngân hàng MSB - Chi nhánh Hà Nội, theo đó Ngân hàng cho Bà T vay số tiền: 780.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm thiết bị gia đình, Phương thức cho vay: Cho vay từng lần, Lãi suất cho vay: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 15/01/2020 là 8,49%/năm (cơ sở tính một năm là 365 ngày), Lãi suất quá hạn bằng: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Phương thức tính lãi: Kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng/lần, mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất tham chiếu (theo quy định của MSB tại thời điểm điều chỉnh) + biên độ 3,5%/năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 16/01/2020, ngày điều chỉnh lãi suất định kỳ là 06. Trả nợ gốc, lãi: Nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần được trả 01 tháng/lần vào ngày 06 hàng tháng, ngày trả nợ lần đầu tiên vào ngày 06/3/2019. Số tiền gốc phải trả mỗi kỳ 9.285.714 đồng, kỳ cuối trả tất toán.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 133+132a, tờ bản đồ 7H-III-43, diện tích 42,4m², địa chỉ thửa đất: số 6, hẻm 26, ngách 85, TT, phường TQ, quận DD, thành phố HN, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 811884, số vào sổ cấp GCN: CH00745/4288.2011/QĐ-UBND do UBND quận DD, thành phố HN cấp ngày 08/9/2011 cho ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị T. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng: 00151.2019/HĐTC, quyển số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 10/01/2019 tại trụ sở

Văn phòng Công chứng An N- 65 THĐ, phường THĐ, quận HK, thành phố HN. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện Hợp đồng cho vay số 05/2019/HĐCV ngày 10/01/2019, Ngân hàng MSB đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị T số tiền 780.000.000 đồng, theo Giấy nhận nợ số 05/2019/GNN ngày 16/01/2019.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay, Giấy nhận nợ đã ký kết, dẫn đến khoản vay bị nợ quá hạn kéo dài. Mặc dù Ngân hàng MSB đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng MSB.

Nay Ngân hàng MSB đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu đối với bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T như sau:

1. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng MSB toàn bộ dư nợ gốc và lãi vay theo Hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng MSB- Chi nhánh Hà Nội với bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T . Tạm tính đến ngày 06/10/2021 tổng số tiền bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T còn nợ Ngân hàng MSB là: 782.445.321 đồng (trong đó, nợ gốc: 615.624.211 đồng, nợ lãi trong hạn: 156.611.352 đồng, nợ lãi quá hạn: 10.209.758 đồng).

2. Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

3. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T không trả được nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng MSB được quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng MSB.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T đối với Ngân hàng MSB. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng MSB.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T trình bày:

Bà T , ông T xác nhận ông bà có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng MSB đúng như đại diện của Ngân hàng MSB đã trình bày. Ngân hàng đã cho vợ chồng Bà T vay số tiền 780.000.000 đồng, thời gian vay là 84 tháng. Quá trình vay do ảnh

hưởng của dịch bệnh nên ông bà không trả được nợ theo đúng cam kết trong hợp đồng. Từ khi vay chỉ có 01 tháng ông bà không trả được đồng nào (Bà T không nhớ chính xác tháng nào), còn lại thì ông bà đều trả tiền cho Ngân hàng nhưng không đủ mức quy định. Gần đây nhất là tháng 3,4/2021 Bà T đều trả cả gốc và lãi là 7.000.000 đồng. Số tiền Bà T đã trả cho Ngân hàng như Ngân hàng trình bày là đúng. Nay Bà T, ông T đề nghị Ngân hàng cho ông bà tiếp tục được trả hàng tháng cả gốc và lãi là 8.000.000 đồng, còn đúng mức quy định phải trả là 14.000.000 đồng ông bà không đủ khả năng trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – anh Trần Quốc Đ vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng và không cung cấp lời khai.

Tại bản án sơ thẩm số 134/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân quận DD, thành phố Hà Nội, đã xử và quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H đối với bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP H theo Hợp đồng cho vay số 05/2019/HĐCV ngày 10/01/2019 và Giấy nhận nợ ngày 16/01/2019 với tổng số tiền phải thanh toán là 777.573.062 đồng, bao gồm: số tiền nợ gốc là 605.624.211 đồng, lãi trong hạn là 161.252.202 đồng, lãi quá hạn 10.696.649 đồng (tính đến hết ngày 28/10/2021).

Kể từ ngày 29/10/2021, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T phải tiếp tục chịu lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 05/2019/HĐCV ngày 10/01/2019 và Giấy nhận nợ ngày 16/01/2019, tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc. Trường hợp Ngân hàng TMCP H có sự điều chỉnh mức lãi suất cho vay định kỳ theo quy định của Ngân hàng thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP H.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (trên có nhà bê tông 03 tầng 01 tum) tại thửa đất số 133+132a, tờ bản đồ 7H-III-43, diện tích 42,4m², địa chỉ thửa đất: số 6, hẻm 26, ngách 85, TT, phường TQ, quận DD, thành phố HN, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD

811884, số vào sổ cấp GCN: CH00745/4288.2011/QĐ-UBND do UBND quận DD, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/9/2011 cho ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị T. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng: 00151.2019/HĐTC, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 10/01/2019 tại trụ sở Văn phòng Công chứng An, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 11/11/2021 bà Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 134/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân quận DD.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Bà T đề nghị được trả khoản nợ dần mỗi tháng trả số tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết khoản nợ đối với Ngân hàng MSB.

Đại diện Ngân hàng không chấp nhận đề nghị của Bà T và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại thời điểm hiện tại Bà T, ông T đã trên 60 tuổi, do đó đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí, do đó kháng cáo được coi là hợp lệ về mặt hình thức.

2. Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của Bà T, Hội đồng xét xử xét thấy

2.1. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng:

Ngày 10/01/2019, Ngân hàng TMCP H(MSB) với bên vay là bà Nguyễn Thị T đã ký kết Hợp đồng cho vay số 05/2019/HĐCV, với khoản vay 780.000.000 đồng;

mục đích sử dụng: Vay tiêu dùng mua sắm thiết bị gia đình; Thời hạn vay: 84 tháng. Lãi suất vay theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng 05/2019/HĐCV ngày 10/01/2019. Cùng ngày 10/01/2019 bà Nguyễn Thị T và chồng là ông Trần Quốc T đã ký Văn bản đồng thuận có xác nhận của Ngân hàng MSB về việc vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng.

- Hợp đồng cho vay số 05/2019/HĐCV ngày 10/01/2019 được ký kết giữa MSB với bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T trên cơ sở tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực chủ thể, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, nội dung của Hợp đồng không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ký kết Hợp đồng cho vay, ngày 16/01/2019 MSB đã giải ngân số tiền 780.000 đồng cho bên nhận nợ là bà Nguyễn Thị T theo Giấy nhận nợ cùng ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Bà T và ông T đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng cho vay. Tính đến ngày 28/4/2022, dư nợ tạm tính của Bà T tại MSB như sau: Nợ gốc: 559.624.211 đồng.

Nợ lãi: 197.742.011 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 14.715.635

Tổng nợ: 772.081.857 đồng.

Căn cứ theo Hợp đồng cho vay số 05/2019/HĐCV ngày 10/01/2019 thì Bà T, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó MSB đã khởi kiện yêu cầu Bà T, ông T phải thực hiện việc trả nợ là có căn cứ để chấp nhận.

2.2. Về tiền nợ gốc:

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định: Tính đến ngày 28/4/2022 Bà T, ông T đã trả cho MSB số tiền nợ gốc là 220.375.789 đồng, còn lại 559.624.211 đồng chưa trả được.

Ông T và Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc Bà T, ông T phải trả số tiền nợ gốc là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Bà T ông T đã trả thêm được một phần nợ gốc nên số tiền nợ gốc tính đến ngày 28/4/2022 còn lại là 559.624.211 đồng. Do đó HĐXX phúc thẩm cần sửa án sơ thẩm về nội dung này.

2.3. Về lãi suất, tiền nợ lãi và nợ lãi quá hạn:

- Căn cứ Điều 2 của Hợp đồng tín dụng và mục “Lãi suất cho vay”, “lãi suất quá hạn” và “Phương thức áp dụng lãi suất” tại Giấy nhận nợ ngày 16/01/2019 thì lãi suất áp dụng trong năm đầu tiên là 8,49%/năm, sau đó kì điều chỉnh lãi suất được tính

3 tháng/lần, mức điều chỉnh lãi suất theo quy định của MSB tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,5%/năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/01/2020. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm xác định, lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận ghi trong Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ như nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ theo Quyết định số 3898/2010/TGDD1 ngày 15/8/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng MSB lãi suất đối với khoản vay trung/dài hạn bằng lãi suất tham chiếu 9,1% + biên độ 3,5% = 12.6%/năm, do đó lãi suất này được MSB áp dụng để tính lãi đối với khoản vay của Bà T, ông T kể từ ngày 16/01/2020 là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên.

Như vậy căn cứ vào lãi suất và số tiền nợ gốc, tính đến ngày 28/4/2022 ông T Bà T còn nợ Ngân hàng số tiền lãi là 197.742.011 đồng.

- Trên cơ sở lãi suất quá hạn thì số tiền nợ quá hạn được tính từ ngày quá hạn trả nợ của từng kỳ, theo đó ông T Bà T chịu tổng số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2022 số tiền là 14.715.635 đồng.

2.4. Xét tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 10/01/2019 MSB với ông T Bà T ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 00151.2019/HĐTC; quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/01/2019; Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đối với thửa đất số 133+132a, tờ bản đồ số 7H-III-43, địa chỉ: Số 6 hẻm 26 ngách 85 TT, phường TQ, quận ĐĐ, Hà Nội, diện tích 42,4m² cùng tài sản gắn liền với đất là nhà bê tông 2 tầng, diện tích 50m², diện tích xây dựng 25m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD811884 ngày 08/9/2011 do UBND quận ĐĐ cấp cho ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị T.

Xét thấy Hợp đồng thế chấp nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức, nội dung và hình thức đều phù hợp quy định tại tiểu mục 3 Mục 3 Chương XV Bộ luật Dân sự năm 2015, đã được đăng ký theo đúng quy định tại Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm nên có giá trị thi hành đối với các bên.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên trong trường hợp ông Tiến, Bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì MSB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ là đúng theo quy định tại khoản Điều 299, Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp giữa MSB với ông Tiến, Bà T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị T đối với Ngân hàng MSB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Tiến, Bà T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho MSB.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thu được nhiều hơn số tiền phải thanh toán thì được trả lại cho ông Tiến, Bà T sau khi trừ hết các khoản nợ.

- Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên Bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Tiến, Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử phúc thẩm ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị T đều đã trên 60 tuổi, Căn cứ quy định của Luật người cao tuổi và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Tiến, Bà T đều được xác định là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự 2015
- Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Tiểu mục 3 Mục 3 Chương XV Bộ luật Dân sự năm 2015

- Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTWQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, sửa Bản án sơ thẩm số 134/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân quận DD, thành phố Hà Nội và tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H:

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP H theo Hợp đồng cho vay số 05/2019/HĐCV ngày 10/01/2019 và Giấy nhận nợ ngày 16/01/2019 với tổng số tiền phải thanh toán là 772.081.857 đồng, bao gồm: số tiền nợ gốc là 559.624.211 đồng, lãi trong hạn là 197.742.011 đồng, lãi quá hạn 14.715.635 đồng (tính đến hết ngày 28/4/2022).

- Ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả phần nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay cùng Giấy nhận nợ và cam kết trả nợ nêu trên kể từ ngày 29/4/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đối với thửa đất số 133+132a, tờ bản đồ số 7H-III-43, địa chỉ: Số 6 hẻm 26 ngách 85 TT, phường TQ, quận DD, Hà Nội, diện tích 42,4m² cùng các tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD811884 ngày 08/9/2011 do UBND quận DD cấp cho ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị T đối với Ngân hàng MSB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Tiến, Bà T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho MSB.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thu được nhiều hơn số tiền phải thanh toán thì được trả lại cho ông Tiến, Bà T sau khi trừ hết các khoản nợ.

2. Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Trần Quốc T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 5.000.000 đồng, nên buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Trần Quốc T phải trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền 5.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc T được xác định là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự. Hoàn trả lại Bà T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0069316 ngày 17/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận DĐ.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 17.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 68679 ngày 26/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận DĐ, Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận DĐ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận DĐ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

Trương Chí Anh

